

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 8 – 2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Trung.
2. Ông Võ Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Giàu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1971. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Trường P, xã Trường Long T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cũ (nay là ấp Trường P, xã Trường Long T, thành phố Cần Thơ).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn O, sinh năm 1974. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Trường P, xã Trường Long T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cũ (nay là ấp Trường P, xã Trường Long T, thành phố Cần Thơ).

Chỗ ở hiện nay: Ấp Nhơn Thuận 1A, xã Tân H, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày: Bà và ông Phạm Văn O tự quen biết nhau, qua tìm hiểu thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long T, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) ngày 30/3/1994 (nay là Ủy ban nhân dân xã Trường Long T, thành phố Cần Thơ).

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 6/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và đã ly thân từ tháng 10/2007 cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn O.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh H(nam), sinh ngày 05/10/1999 và Phạm Minh K (nam), sinh ngày 05/9/1992. Do con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm Văn O trình bày: Ông và bà H có đăng ký kết hôn nhưng không nhớ rõ thời gian, ông cho rằng mâu thuẫn là do ông và bà H không còn tình cảm với nhau nên đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh H(nam), sinh ngày 05/10/1999 và Phạm Minh K (nam), sinh ngày 05/9/1992. Do con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H và bị đơn ông Phạm Văn O có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn với ông Phạm Văn O; về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh H(nam), sinh ngày 05/10/1999 và Phạm Minh K (nam), sinh ngày 05/9/1992. Do con chung đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét, giải quyết; về tài sản chung: Các đương sự khai thống nhất không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét, giải quyết; về nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị buộc bà Phạm Thị Thu H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Thu H và ông Phạm Văn O do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên bà Phạm Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn O, do ông Phạm Văn O có địa chỉ cư trú ở ấp Trường P, xã Trường Long T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp Trường P, xã Trường Long T, thành phố Cần Thơ). Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H và bị đơn ông Phạm Văn O có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Phạm Thị Thu H và ông Phạm Văn O tự nguyện tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long T, huyện Châu Thành, thành phố Cần Thơ (cũ) ngày 30/3/1994 (nay là Ủy ban nhân dân xã Trường Long T, thành phố Cần Thơ) nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian đến tháng 10/2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Phạm Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn O. Ông Phạm Văn O cũng thừa nhận vợ chồng đã không còn tình cảm, đã sống ly thân nhưng ông không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình tố tụng Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn không có phương án hàn gắn, nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày không còn tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 10/2007 đến nay cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông O đã trầm trọng, hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn với ông Phạm Văn O.

[3.2] Về con chung: Bà Phạm Thị Thu H và ông Phạm Văn O khai thống nhất có 02 con chung tên Phạm Minh H(nam), sinh ngày 05/10/1999 và Phạm Minh K (nam), sinh ngày 05/9/1992. Do 02 con chung đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và tự quyết định cuộc sống, không phụ thuộc vào cha mẹ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự khai thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự khai thông nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Các Điều 51; Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn với ông Phạm Văn O.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh H(nam), sinh ngày 05/10/1999 và Phạm Minh K (nam), sinh ngày 05/9/1992. Do con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai thông nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai thông nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị Thu H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, án phí Tòa án số: 0005190 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H và bị đơn ông Phạm Văn O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Trường Long T, thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thành Đô